Câu 1. WWW là viết tắt của?

A. Wordl Wide Wed

**B. World Wide Web**

C. Word Wide Web

D. Word Wibe Web

Câu 2. URL là gì?

A. Một giao thức trong Internet

B. Xác định tên của một máy tính trên mạng

**C. Định vị một tài nguyên cụ thể trên web**

D. Một chuẩn trong truyền dữ liệu trên web

Câu 3. The Web is an information system where documents and other web resources are identified by Uniform Resource Locators (URLs, such as https://example.com/), which may be interlinked by \_\_\_\_\_\_\_\_, and are accessible over the Internet.

A. URL

B. pages

C. computers

**D. hyperlinks**

Câu 4. HTML là viết tắt của?

A. HyperText Makeup Language

B. HTTP Technology Model Language

**C. HyperText Markup Language**

D. HyperTest Makeup Language

Câu 5. Trình duyệt web là một ứng dụng phần mềm để truy cập thông tin trên World Wide Web. Mỗi trang web, hình ảnh và video riêng lẻ được xác định bằng một \_\_\_\_\_\_\_\_\_ riêng biệt, cho phép các trình duyệt truy xuất và hiển thị chúng trên thiết bị của người dùng.

A. công nghệ

B. mã HTML

C. liên kết

**D. URL**

Câu hỏi 1. Trình duyệt web đầu tiên do ai tạo ra?

A. Steve Jobs

**B. Tim Berners-Lee**

C. Bill Gates

D. Chrome

Câu hỏi 2. Có thể sử dụng trình duyệt web để?

A. Xem nội dung trang web

B. Hỗ trợ quá trình thiết kế giao diện

C. Giúp tìm và sửa lỗi trong quá trình phát triển web

**D. Cả A, B, và C**

Câu hỏi 3. A web browser (commonly referred to as a browser or internet browser) is an \_\_\_\_\_\_\_\_\_ for accessing the World Wide Web.

**A. application software**

B. operating system

C. library

D. framework

Câu hỏi 4. Mã nguồn trang web, khi trình duyệt nhận về từ web server có thể gồm?

A. HTML, CSS, PHP, JavaScript

B. HTML, CSS, C#

C. CSS, C#, SQL

**D. CSS, JavaScript, HTML**

Câu hỏi 5. Một số kết quả trung gian được tạo ra khi trình duyệt hiển thị trang web là gì?

A. DOM, CSSOM, Trang web kết quả, HTML

B. CSS, DOM, Trang web kết quả, DOM Tree

**C. DOM tree, CSSOM, Trang web kết quả, Render tree**

D. CSSOM, DOM tree, OOP, Render tree

Câu hỏi 6. CSSOM là viết tắt của?

A. CSS Object Modern

B. CSS Oriented Model

C. CSS Object Mode

**D. CSS Object Model**

Câu hỏi 1. A Uniform Resource Locator (URL) is a reference to a web resource that specifies its location on a computer network and a \_\_\_\_\_\_\_ for retrieving it.

A. address

B. channel

C. format

**D. mechanism**

Câu hỏi 2. Các thành phần thường có trong một URL gồm?

A. schema, fragment\_id, query\_string, path, port, domain

B. scheme, fragment\_id, query\_string, path, socket, domain

**C. scheme, fragment\_id, query\_string, path, port, domain**

D. scheme, fragment\_id, query\_language, path, port, domain

Câu hỏi 3. Khi mở tập tin C:\index.html bằng trình duyệt, giao thức trình duyệt đã sử dụng trong URL là?

A. http

B. https

**C. file**

D. ftp

Câu hỏi 4. Khi mở tập tin C:\index.html bằng trình duyệt, tại sao lại có ba dấu xuyệt (///) liền nhau?

A. Là cú pháp để truy cập tập tin trên máy cục bộ

**B. Do lược bỏ tên của máy tính (localhost)**

C. Là chuẩn của giao thức FTP

D. Là chuẩn của giao tiếp SSL

Câu hỏi 5. In computing, a hyperlink, or simply a link, is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to data that the user can follow by clicking or tapping. A hyperlink points to a whole document or to a specific element within a document.

**A. reference**

B. format

C. following

D. calling

Câu hỏi 6. Hypertext is \_\_\_\_\_\_\_displayed on a computer display or other electronic devices with references (hyperlinks) to other text that the reader can immediately access. Hypertext documents are interconnected by hyperlinks, which are typically activated by a mouse click, keypress set, or screen touch. Apart from text, the term "hypertext" is also sometimes used to describe tables, images, and other presentational content formats with integrated hyperlinks.

A. link

**B. text**

C. format

D. web

Câu 1. Trong UTF-8, UTF là viết tắt của các từ nào?

A. Uniform Text Format

**B. Unicode Transformation Format**

C. Uniform Transformation Format

D. Unicode Text Format

Câu 2. Metadata is "data that provides \_\_\_\_\_\_\_\_about other data". In other words, it is "data about data".

A. format att

**B. information**

C. structure

D. standard

Câu 3. Technically, an \_\_\_\_\_\_\_\_is the collection of start tag, its attributes, an end tag and everything in between. On the other hand an HTML tag (either opening or closing) is used to mark the start or end of an element.

A. HTML attribute

B. HTML tag

C. HTML document

**D. HTML element**

Câu 4. Indicate whether each of these filenames is not an acceptable name for a web document.

A. Sunflower.html

B. index.htm

C. Song\_Lyrics.html

**D. cooking home page.html**

Câu 5. One of the following markup examples is incorrect. Which one?

A. <img src = "birthday.jpg">

**B. <em>Congratulations!<em>**

C. <a href="file.html">linked text</a>

D. <p>This is a new paragraph</p>

Câu 6. Trang web <https://validator.w3.org/> dùng để làm gì?

A. Để hiển thị tài liệu của W3C

B. Để chạy mã nguồn HTML và cho ra kết quả

**C. Để kiểm tra tính hợp lệ của mã HTML**

D. Để đăng ký tên miền cho trang web

Câu hỏi 1. Trong HTML, chữ "hr" trong phần tử hr là viết tắt của chữ nào ?

A. Horizontal Ruler

B. Header

C. Heading ruler1

**D. Horizontal Rule**

Câu hỏi 2. Trong HTML, chữ “pre” trong phần tử pre là viết tắt của chữ nào?

A. Preferred text

**B. Preformatted text**

C. Previous text

D. Part reference

Câu hỏi 3. Trong HTML, chữ ‘dl” trong phần tử dl là viết tắt của chữ nào?

A. Document list

B. Data list

**C. Description list**

D. Data link

Câu hỏi 4. Trong HTML, chữ ‘ul” trong phần tử ul là viết tắt của chữ nào?

**A. unordered list**

B. unorder list

C. unordered line

D. under list

Câu hỏi 5. Trong HTML, chữ ‘ol” trong phần tử ol là viết tắt của chữ nào?

A. over list

B. over line

**C. ordered list**

D. order list

Câu hỏi 1. Các loại phần mềm dùng để viết mã trong làm web gồm?

A. Text editor, Microsoft Word, IDE, Web browser

B. Text editor, Code editor, Web browser, Acrobat

C. Mspaint, Web browser, Code editor, IDE

**D. Web browser, Text editor, Code editor, IDE**

Câu hỏi 2. Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A. IDE thường có dung lượng lớn hơn code editor**

B. Không thể dịch mã chương trình bằng IDE

C. Tất cả IDE đều là phần mềm có phí

D. VS code là một IDE

Câu hỏi 3. \_\_\_\_\_\_ is the software that is designed specifically to help developers in coding. These are actually the text editors with some additional functionalities to manage and edit code.

A. Debugger

B. Text editor

**C. Code editor**

D. IDE

Câu hỏi 4. \_\_\_\_\_is a software application that provides comprehensive facilities to computer programmers for software development. An \_\_\_\_\_ normally consists of at least a source code editor, build automation tools and a debugger.

**A. IDE**

B. Code editor

C. Debugger

D. Compiler

Câu hỏi 5. Trong các phần mềm lập trình, IntelliSense là gì?

A. Là thành phần bổ sung của công ty Intell

B. Là thành phần dịch mã lệnh

C. Là chương trình gỡ lỗi

**D. Là thành phần đưa ra các mô tả ngắn hoặc gợi ý khi viết mã nguồn**

Đáp án: 1(D), 2(A), 3(C), 4(A), 5(D)

---------

Câu hỏi 1. Phần tử HTML nào sau đây không phải là phần tử kiểu inline?

A. small

**B. p**

C. strong

D. a

Câu hỏi 2. Phát biểu nào sau đây không đúng, khi nói về phần tử HTML trung tính (generic element)

**A. Phần tử trung tính có ngữ nghĩa rõ ràng, cụ thể**

B. div và span là hai phần tử trung tính

C. div là phần tử trung tính kiểu khối

D. Khi không thể tìm được phần tử có ngữ nghĩa thì mới lựa chọn phần tử trung tính

Câu hỏi 3. Trong HTML, ARIA dùng để làm gì?

A. Là một loại phông chữ

**B. Là một bộ các thuộc tính, được sử dụng để hỗ trợ quá trình điều hướng, tương tác với trang web.**

C. Là một phần tử, dùng để nhúng âm thanh vào trang web

D. Là một phần tử, dùng để nhúng video vào trang web

Câu hỏi 4. Để hiển thị kí hiệu bản quyền (copyright sign) ra ngoài giao diện, mã HTML sẽ là:

A. &copyright;

B. copyright;

**C. &copy;**

D. &copy

Câu hỏi 5. Để hiển thị thêm các khoảng trắng (nonbreaking space) ra ngoài giao diện, mã HTML sẽ là:

A. &space;

B. &space

C. &nbsp

**D. &nbsp;**

Đáp án: 1(B), 2(A), 3(B), 4(C), 5(D)

Câu 1. Trong CSS, các thành phần của box model gồm:

A. box, margin area, boder, padding area, inner edge, content area

B. outer edge, model, boder, padding area, inner edge, content area

C. outer edge, margin area, radius, padding area, inner edge, content area

**D. outer edge, margin area, boder, padding area, inner edge, content area**

Câu 2. Thứ tự các giá trị của padding hợp lý là:

A. padding: right top bottom left;

**B. padding: top right bottom left;**

C. padding: top bottom right left;

D. padding: left top right bottom;

Câu 3. Khi tạo bóng cho hộp bằng thuộc tính box-shadow, giá trị của …………….. là khoảng dịch của bóng sang phía phải so với hộp ban đầu, nếu giá trị này là âm, bóng sẽ được dịch sang phía trái.

A. vertical-offset

B. blur distance

C. spread distance

**D. horizontal-offset**

Câu 4. Trong CSS, giá trị nào không thể thiết lập cho thuộc tính display?

A. block

B. inline

C. flex

**D. hidden**

Đáp án: 1(D), 2(B), 3(D), 4(D)

-----

Cập nhật: 6/6/2024

Câu 1. CSS là viết tắt của các từ nào?

A. Code Style Sheets

**B. Cascading Style Sheets**

C. Cascading Style Source

D. Code Style Source

Câu 2. Quan sát đoạn mã *p { color: red; font-size: 54px; }*, theo thuật ngữ của CSS, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. *p* là bộ chọn (selector)

B. Đoạn mã trên là một chỉ dẫn định dạng (style rule)

C. *color* là thuộc tính (property)

**D. Đoạn mã trên là một khai báo (declaration)**

Câu 3. Bạn có thể viết mã CSS ở đâu? Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Viết ở trong phần tử HTML, sử dụng thuộc tính *style*

B. Viết ở ngoài tài liệu HTML, trong tập tin *.css*, sử dụng phần tử *link* để liên kết

**C. Viết ở trong tài liệu HTML, sử dụng phần tử *<script>***

D. Viết ở trong tài liệu HTML, sử dụng phần tử *<style>*

Câu 4. Theo kĩ thuật xếp lớp (cascading) trong CSS, loại mã CSS nào có độ ưu tiên cao nhất ?

A. User agent style sheet

B. User style sheet

**C. Author style sheet**

D. Cả ba có độ ưu tiên như nhau

Câu 5. Khi áp dụng đoạn mã CSS sau, văn bản *p* có màu gì?

<style>

p { color: purple; }

p { color: green; }

p { color: gray; }

</style>

A. Tím

B. Xanh

**C. Xám**

D. Trắng

Câu 6. Trong các phương pháp để định chuẩn CSS (normalize CSS, reset CSS), cách nào sau đây không đúng?

A. Dùng tập tin normalize.css

B. Dùng bộ mã reset CSS của Eric Meyer

C. Dùng bộ mã định chuẩn CSS của Bootstraps

**D. Dùng lệnh Reset của CSS**

Câu 7. In CSS, the term \_\_\_\_\_ is used when talking about design and layout. The CSS \_\_\_\_\_\_ is essentially a box that wraps around every HTML element. It consists of: margins, borders, padding, and the actual content.

A. border

B. cascading

C. box mode

**D. box model**

Câu 8. Trong CSS, đơn vị đo nào sau đây không phải là đơn vị đo tương đối (relative)?

A. em

B. rem

C. %

**D. px**

Đáp án: 1(B), 2(D), 3(C), 4(C), 5(C), 6(D), 7(D), 8(D)

Câu 1. Muốn định dạng mọi phần tử *div* và *h1* đều có chữ màu đỏ, dùng chỉ dẫn CSS nào?

A. div > h1 { color: red; }

B. div ~ h1 { color: red; }

**C. div  h1 { color: red; }**

D. div + h1 { color: red; }

Câu 2. Muốn định dạng mọi phần tử *div* và có thuộc tính *class="intro"* có chữ màu đỏ, dùng chỉ dẫn CSS nào?

A. div > .intro { color: red; }

**B. div.intro { color: red; }**

C. div .intro { color: red; }

D. div#intro { color: red; }

Câu 3. Muốn định dạng mọi phần tử *div* và có thuộc tính *id="intro"* có chữ màu đỏ, dùng chỉ dẫn CSS nào?

A. div > .intro { color: red; }

B. div.intro { color: red; }

C. div #intro { color: red; }

**D. div#intro { color: red; }**

Câu 4. Trong 3 chỉ dẫn CSS sau: (1) p { line-height: 1.2em; }, (2) blockquote p { line-height: 1em; }, (3) p.intro { line-height: 2em; }, xét theo độ “rõ ràng, chính xác, specificity”, cái nào có độ ưu tiên cao nhất?

A. 1

B. 2

**C. 3**

D. 2 và 3

Câu 5. Muốn định dạng hàng đầu tiên của đoạn có chữ màu đỏ, dùng chỉ dẫn CSS nào?

**A. p::first-line{ color: red; }**

B. p>first-line{ color: red; }

C. p+first-line{ color: red; }

D. p~first-line{ color: red; }

Đáp án: 1(C), 2(B), 3(D), 4(C), 5(A)

Câu 1. Trong CSS, với khai báo: *font-family: Verdana, Arial, Helvetica, sans-serif;*Phông chữ nào có độ ưu tiên cao nhất.

A. Arial

**B. Verdana**

C. Helvetica

D. sans-serif

Câu 2. Một số loại phông chữ phổ biến trong CSS gồm:

**A. serif, sans-serif, monospace, cursive, fantasy**

B. serif, sans-serif, arrial, cursive, fantasy

C. font-family, sans-serif, monospace, cursive, fantasy

D. serif, sans-serif, monospace, roboto, fantasy

Câu 3. Cái nào sau đây không phải là một chuẩn định dạng phông chữ ?

A. OTF

B. TTF

C. WOFF2

**D. OOF**

Câu 4. Trên máy người duyệt web, trình duyệt có thể lấy phông chữ từ đâu? Chỉ ra phát biểu sai.

A. Máy tính của người dùng

B. Máy server cung cấp dịch vụ phông chữ

C. Thư mục fonts trong website

**D. Máy tính của lập trình viên**

Đáp án: 1(B), 2(A), 3(D), 4(D)

Câu 1. \_\_\_\_\_ is defined relative to the font size of the root element. The root element is matched by the :root pseudo-class or the html selector. 1\_\_\_\_ therefore takes on the value which is given to the font-size of the root element.

A. em

**B. rem**

C. %

D. vw

Câu 2. Chỉ dẫn CSS nào sau đây bị lỗi:

A. h1 { font-size: 100%; }

B. h1 { font-size: 20px;   }

C. h1 { font-size: 1.5rem;   }

**D. h1 { font-size: 1.5 em; }**

Câu 3. Trong CSS, muốn định dạng chữ nghiêng, sử dụng thuộc tính nào?

A. font-weight

**B. font-style**

C. font-variant

D. font-size

Câu 4. Cho đoạn mã sau:

*…*

*<style>*

*html { font-size: 100%; }*

*article { font-size: 0.875em } /\* 0.875 x 16px = 14px \*/*

*h1 { font-size: 1.5em; } /\* 1.5 x 14px = 21px \*/*

*</style>*

*</head>*

*<body>*

*<article>*

*<h1>Tiêu đề h1</h1>*

*</article>*

*…*

Cỡ chữ của h1 là bao nhiêu px?

A. 16

**B. 21**

C. 14

D. 24

Đáp án: 1(B), 2(D), 3(B), 4(B)

Câu 1. Để thiết lập khoảng lùi của hàng đầu tiên trong một đoạn, sử dụng thuộc tính nào?

A. line-height

**B. text-indent**

C. text-align

D. text-decoration

Câu 2. Để thiết lập chiều cao tối thiểu của dòng chữ (line box), sử dụng thuộc tính nào?

A. text-shadow

B. text-align

C. text-transform

**D. line-height**

Câu 3. Để bỏ đường gạch chân của các liên kết, sử dụng thuộc tính nào?

**A. text-decoration**

B. word-spacing

C. letter-spacing

D. text-align

Câu 4. Để căn giữa (theo chiều ngang) một đoạn văn bản, sử dụng thuộc tính nào?

A. word-spacing

B. text-transform

**C. text-align**

D. text-shadow

Câu 5. Để định dạng cách đánh số, đánh dấu đầu dòng cho một danh sách, sử dụng thuộc tính nào?

A. text-shadow

**B. list-style-type**

C. word-spacing

D. text-decoration

Đáp án: 1(B), 2(D), 3(A), 4(C), 5(B)

Câu 1. Phần tử p sẽ có chữ màu gì, với chỉ dẫn CSS sau: p { color: rgb(255, 0, 0); }

A. Xanh lá cây (green)

B. Xanh nước biển (blue)

C. Trắng

**D. Đỏ**

Câu 2. Chỉ dẫn CSS nào sau đây hợp lệ?

A. p { color: #4455GG; }

**B. p { color: rgba(255, 0, 255, .5); }**

C. p { color: rgb(255, 0, 256, .5); }

D. p { color: rgb(255, 0, 256); }

Câu 3. Chỉ dẫn CSS nào sau đây không hợp lệ?

**A. p { color: #4455FF; }**

B. p { color: rgba(255, 0, 255, 2); }

C. p { color: rgba(255, 0, 254, .5); }

D. p { color: rgb(0, 0, 0); }

Câu 4. Muốn giới hạn vùng nền chỉ gồm phần nội dung của phần tử, cần thiết lập giá trị cho thuộc tính background-clip là gì?

A. border-box

B. none

**C. content-box**

D. padding-box

Đáp án: 1(D), 2(B), 3(A), 4(C)

Câu 1. A \_\_\_\_\_\_\_ is a selector that selects elements that are in a specific state, e.g. they are the first element of their type, or they are being hovered over by the mouse pointer.

A. pseudo-element

**B. pseudo-class**

C. id

D. class

Câu 2. In CSS, a \_\_\_\_\_\_\_\_\_ selector applies styles to parts of your document content in scenarios where there isn't a specific HTML element to select.

A. element

B. pseudo-class

C. id

**D. pseudo-element**

Câu 3. Ví dụ, mã nguồn HTML có nhiều phần tử *img*, trong đó có 2 phần tử *img* với *title* có giá trị lần lượt là “con gà” và “ vịt con”. Bạn chỉ muốn chọn ra 2 phần tử *img*này, vậy bạn sẽ sử dụng bộ chọn nào dưới đây:

A. img[title] {border: 3px solid;}

**B. img[title~="con"] {border: 3px solid;}**

C. img[title|="con"] {border: 3px solid;}

D. img[title="con"] {border: 3px solid;}

Câu 4. Ví dụ, mã nguồn HTML có nhiều phần tử *img*, trong đó có một số phần tử *img* có thuộc tính *title*. Bạn chỉ muốn chọn ra các phần tử *img*với thuộc tính*title*đi kèm (mà không quan tâm tới giá trị của thuộc tính), thì bạn sẽ sử dụng bộ chọn nào dưới đây:

**A. img[title] {border: 3px solid;}**

B. img[title~=\*] {border: 3px solid;}

C. img[title|="\*"] {border: 3px solid;}

D. img[title="\*"] {border: 3px solid;}

Đáp án: 1(B), 2(D), 3(B), 4(A)

Câu 1. The ………..CSS property sets the initial position for each background image.

A. background-clip

B. background-repeat

C. background-image

**D. background-position**

Câu 2. The ……….property specifies an image to use as the background of an element.

**A. background-image**

B. background-repeat

C. background-attachment

D. background-size

Câu 3. Trong tập tin CSS, khi muốn liên kết mã nguồn CSS ở các tập tin khác, thì sử dụng chỉ dẫn hay từ khóa nào?

A. link

**B. @import**

C. include

D. using

Câu 4. The ………property sets whether a background image scrolls with the rest of the page, or is fixed.

A. background-image

B. background-clip

C. background-size

**D. background-attachment**

Đáp án: 1(D), 2(A), 3(B), 4(D)

Câu 1. Trong CSS, các thành phần của box model gồm:

A. box, margin area, boder, padding area, inner edge, content area

B. outer edge, model, boder, padding area, inner edge, content area

C. outer edge, margin area, radius, padding area, inner edge, content area

**D. outer edge, margin area, boder, padding area, inner edge, content area**

Câu 2. Thứ tự các giá trị của padding hợp lý là:

A. padding: right top bottom left;

**B. padding: top right bottom left;**

C. padding: top bottom right left;

D. padding: left top right bottom;

Câu 3. Khi tạo bóng cho hộp bằng thuộc tính box-shadow, giá trị của …………….. là khoảng dịch của bóng sang phía phải so với hộp ban đầu, nếu giá trị này là âm, bóng sẽ được dịch sang phía trái.

A. vertical-offset

B. blur distance

C. spread distance

**D. horizontal-offset**

Câu 4. Trong CSS, giá trị nào không thể thiết lập cho thuộc tính display?

A. block

B. inline

C. flex

**D. hidden**

Đáp án: 1(D), 2(B), 3(D), 4(D)